TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do- Hạnh phúc**
Bản án số:105/2024/DS-ST Ngày:06-9-2024 V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Công

2. Bà Lê Thị Nguyệt

***- Thư ký phiên* toà**: Ông Thái Vương Triều - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 378/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2024/QĐXXST - DS ngày 31 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH Một thành viên M1 (nay là Công ty cổ phần M1), (theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần – đăng ký thay đổi lần 3 ngày 14/8/2024); địa chỉ: Tầng A Tòa Nhà V, số I, D, phường D, Quận C, Thành phố Hà Nội.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Trần Khoa H, sinh năm 1996; địa chỉ: D Phố G, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương, là đại diện theo ủy quyền, có mặt.

Bị đơn:

- Ông Phạm Văn H1, sinh năm 1982, vắng mặt;

- Bà Huỳnh Thị Thanh T, sinh năm 1972, vắng mặt;

Trú cùng địa chỉ: D khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Theo Hợp đồng mua bán nợ số 01 ngày 29/12/2023/VPB-MARS, Hợp đồng chuyển nhượng số 02 ngày 29/12/2023 cùng các Phụ lục đính kèm thì Ngân hàng

TMCP V (V1) đồng ý bán và Công ty TNHH MTV M1 đồng ý mua (các) khoản nợ của khách hàng đã vay tại Ngân hàng TMCP V (V1) trong đó có ông Phạm Văn H1 và bà Huỳnh Thị Thanh T, bao gồm các khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay mà ông Phạm Văn H1 và bà Huỳnh Thị Thanh T đã ký kết với Ngân hàng TMCP V; Thông tin khoản nợ cụ thể như sau:

Hợp đồng cho vay số: LN2112254971235 ký ngày 31/12/2021 với nội dung như sau: Số tiền vay 4.300.000.000 đồng (bốn tỷ ba trăm triệu đồng); Mục đích vay: Bù đắp tiền mua bất động sản là thửa đất số 1239, tờ bản đồ số 953 (Ô 21; Lô D), địa chỉ: KDC T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Thời hạn vay 300 tháng. Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9.29%/năm, lãi suất cố định trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời gian cố định, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh. Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 300 tháng được Bên Ngân hàng công bố (được niêm yết tại website: www.V1,com.vn) có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 3.0%/năm. Bên cánh hợp đồng vay Ngân hang còn phát hành thẻ tìn dụng kèm hợp đồng với số tiền hạn mức là 99.000.000 đồng. Như vậy tổng hạn mức của hợp đồng vay là 4.399.000.000 đồng (bốn tỷ ba trăm chín mươi chín triệu đồng).

Ngoài ra, Ngân hàng TMCP V còn phát hành Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ Ngân hàng Đ: LN2202175215868 ký ngày 08/02/2022 cho bà Huỳnh Thị Thanh T với nội dung như sau: Số tiền vay: 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng); Mục đích vay: Vay phục vụ nhu cầu đời sống, mua đồ gia dụng. Thời hạn vay 24 tháng. Lãi suất điều chỉnh đối với khoản vay có thời hạn cho vay đến 12 tháng: Lãi suất cho vay tối đa 24%/năm được cố định 03 tháng kể từ ngày giải ngân và sau đó lãi suất cho vay được điều chỉnh theo định kỳ 01 tháng/01 lần đối với khoản vay có thời hạn trên 12 tháng. Việc điều chỉnh lãi suất được thực hiện định kỳ vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm. Lãi suất cho vay điều chỉnh được xác định bằng mức lãi suất tham chiếu áp dụng đối với khoản vay có thời hạn cho vay tương ứng với thời hạn cho vay được đề nghị cộng biên độ điều chỉnh tối đa là 24%/năm; Mức lãi suất tham chiếu được xác định theo biểu lãi suất tham chiếu áp dụng đối với các khoản vay không có tài sản bảo đảm dành cho khách hạng cá nhân tại V1 công bố (tại website: www.V1.com.vn) có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay là quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 225, tờ bản đồ số: 5 tọa lạc tại khu phố B, phường B, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 342422, Số vào sổ cấp GCN: CS06664 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 05/08/2016. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 31/12/2021 tại Văn phòng C1, thành phố D, tỉnh Bình Dương theo số công chứng 017219, quyển số 29/2021/TP/CC - SCC/HĐGD và được đăng ký thế chấp ngày 31/12/2021 tại Chi Nhánh V2 đăng ký đất đai thành Phố T, tỉnh Bình Dương.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, ông Phạm Văn H1 và bà Huỳnh Thị Thanh T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản vay đã chuyển sang quá hạn kể từ ngày 15/02/2023. Do đó, Công ty TNHH MTV M1 đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Văn H1 và bà Huỳnh Thị Thanh T phải thanh toán ngay một lần cho Công ty TNHH MTV M1 toàn bộ số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 18/3/2024, số tiền cụ thể là: Nợ gốc: 4.478.617.701 đồng; Nợ lãi: 807.314.617 đồng; L chậm trả: 8.337.812 đồng; Thẻ: 151.187.500 đồng; Tổng nợ: 5.445.457.630 đồng (Năm tỷ bốn trăm bốn mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm ba mươi đồng).

Trường hợp ông H1, bà T thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, đề nghị được xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 225, tờ bản đồ số: 5 tọa lạc tại khu phố B, phường B, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 342422, Số vào sổ cấp GCN: CS06664 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 05/08/2016. Tài sản được thế chấp tại V1 Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 31/12/2021 tại Văn phòng C1, Thành phố D, Tỉnh Bình Dương theo số công chứng 017219, quyển số 29/2021/TP/CC - SCC/HĐGD và được đăng ký thế chấp ngày 31/12/2021 tại Chi Nhánh V2 đăng ký đất đai thành Phố T, tỉnh Bình Dương

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn ông Phạm Văn H1 và bà Huỳnh Thị Thanh T. Ông H1, bà T đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên hợp kiểm tra công khai chứng cứ và hòa giải… nhưng ông H1, bà T không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc, đối với số tiền lãi yêu cầu được tính đến ngày 06/9/2024, cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Thanh T, ông Phạm Văn H1 liên đới thanh toán số tiền đã vay tạm tính đến ngày 06/9/2024 cho hợp đồng cho vay số: LN2112254971235 ngày 31/12/2021 kèm phát hành thẻ cùng Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ Ngân hàng Đ: LN2202175215868 ký ngày 08/02/2022 với số tiền là 5.907.680.854 đồng (Năm tỷ chín trăm lẻ bảy triệu sáu trăm tám mươi nghìn tám trăm năm mươi bốn đồng), trong đó: nợ gốc là 4.572.190.761 đồng (bốn tỷ năm trăm bảy mươi hai triệu một trăm chín mươi nghìn bảy trăm sáu mươi mốt đồng), nợ lãi là 1.320.947.517 đồng (một tỷ ba trăm hai mươi triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm mười bảy đồng); lãi chậm trả là 14.542.576 đồng (mười bốn triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm bảy mươi sáu đồng).

Bị đơn bà Huỳnh Thị Thanh T, ông Phạm Văn H1 vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại

Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1.1] *Về tố tụng:*

[1.1.1] *Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Công ty cổ phần M1 khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn H1 và bà Huỳnh Thị Thanh T thanh toán tiền nợ gốc và lãi theo đồng cho vay số LN2112254971235 ngày 31/12/2021, các khoản nợ theo thẻ tín dụng giữa Ngân hàng TMCP V, ông Phạm Văn H1 và bà Huỳnh Thị Thanh T. Bị đơn có nơi cư trú tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là loại việc về tranh chấp hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

[1.1.2] *Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự:* Bị đơn bà Huỳnh Thị Thanh T, ông Phạm Văn H1 đã được tống đạt văn bản tố tụng đúng quy định pháp luật nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn.

[1.1.3] *Về chủ thể khởi kiện*: Ngày 29/12/2023 giữa Ngân hàng TMCP V và Công ty TNHH Một thành viên M1 (nay là Công ty cổ phần M1) có lập Hợp đồng mua bán nợ số 01/2023/VPB-MARS, Hợp đồng chuyển nhượng số 02 ngày 29/12/2023 cùng phụ lục 01 của hợp đồng mua bán nợ số 01/2023/VPB – MARS và phụ lục 01 hợp đồng chuyển nhượng số 02/2023/VPB – MARS ký hiệu 181/HĐ02, nội dung: Ngân hàng TMCP V (V1) đồng ý bán và Công ty TNHH MTV M1 đồng ý mua (các) khoản nợ của khách hàng vay là khoản vay của ông Phạm Văn H1 và bà Huỳnh Thị Thanh T, bao gồm các khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay mà ông Phạm Văn H1 và bà Huỳnh Thị Thanh T đã ký kết với Ngân hàng TMCP V. Căn cứ Điều 365 Bộ luật dân sự quy định chuyển giao quyền yêu cầu, cụ thể "Bên có quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ dân sự có thể chuyển giao quyền yêu cầu đó cho người thế quyền theo thỏa thuận… Khi bên có quyền yêu cầu chuyển giao cho người thế quyền yêu cầu cho người thế quyền thì người thế quyền trở thành bên có quyền yêu cầu…". Căn cứ hợp đồng mua bán Hợp đồng mua bán nợ số 01/2023/VPB-MARS, Hợp đồng chuyển nhượng số 02 ngày 29/12/2023 cùng phụ lục 01 của hợp đồng mua bán nợ số 01/2023/VPB – MARS và phụ lục 01 hợp đồng chuyển nhượng số 02/2023/VPB – MARS ký hiệu 181/HĐ02 giữa Ngân hàng TMCP V và C cổ phần M thì Công ty cổ phần M1 là chủ thể có quyền khởi kiện đối với người có nghĩa vụ ông Phạm Văn H1 và bà Huỳnh Thị Thanh T.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Công ty cổ phần M1 khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn H1 và bà Huỳnh Thị Thanh T thanh toán cho Công ty cổ phần M1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 06/9/2024 là 5.907.680.854 đồng (Năm tỷ chín trăm lẻ bảy triệu sáu trăm tám mươi nghìn tám trăm năm mươi bốn đồng), trong đó: nợ gốc là 4.572.190.761 đồng (bốn tỷ năm trăm bảy mươi hai triệu một trăm chín mươi nghìn bảy trăm sáu mươi mốt đồng), nợ lãi là 1.320.947.517 đồng (một tỷ ba trăm hai mươi triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm mười bảy đồng); phạt chậm trả là 14.542.576 đồng (mười bốn triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm bảy mươi sáu đồng). Bị đơn bà Huỳnh Thị Thanh T và ông Phạm Văn H1 vắng mặt và không có ý kiến trình bày gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Đối với số tiền gốc, lãi phát sinh và phạt chậm trả của hợp đồng cho vay số LN2112254971235 ngày 31/12/2021 và số tiền gốc và lãi phát sinh của thẻ tín dụng số 341-P-1800749 ngày 06/01/2022 kèm hợp đồng vay. Xét, ngày 31/12/2021 ông Phạm Văn H1, bà Huỳnh Thị Thanh T lập hợp đồng vay của Ngân hàng TMCP V, số tiền vay là 4.300.000.000 đồng. Ngoài ra, tại Tờ trình kiêm nghị quyết phê duyệt thì Ngân hàng TMCP V còn xét duyệt cho ông Phạm Văn H1, bà Huỳnh Thị Thanh T thẻ tín dụng số 341-P-1800749 kèm theo hợp đồng tín dụng với hạn mức 99.000.000 đồng. Như vậy, toàn bộ khoản vay của hợp đồng cho vay số LN2112254971235 ngày 31/12/2021 là 4.399.000.000 đồng. Tại hợp đồng vay các bên có thỏa thuận về thời hạn vay, lãi suất vay, quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng, trong đó có thỏa thuận về thời gian trả gốc và lãi, cụ thể tại mục 6 Điều 2 của hợp đồng quy định "... Bên vay phải trả gốc cho bên Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/1 lần vào ngày 15 hàng tháng, việc trả lãi cũng được thực hiện cùng với thời gian trả gốc". Tuy nhiên, ông Phạm Văn H1 và bà Huỳnh Thị Thanh T đã vi phạm nghĩa vụ trả gốc và lãi như thỏa thuận. Căn cứ mục 8 Điều 2 hợp đồng vay Công ty cổ phần M1 yêu cầu ông Phạm Văn H1, bà Huỳnh Thị Thanh T có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ theo hợp đồng cho vay số LN2112254971235 ngày 31/12/2021 tạm tính đến ngày 06/9/2024 với số tiền gốc là 4.300.000.000 đồng (bốn tỷ ba trăm triệu đồng), nợ lãi là 1.130.534.190 đồng (một tỷ một trăm ba mươi triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn một trăm chín mươi đồng), phạt chậm trả 10.498.727 đồng (mười triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn bảy trăm hai mươi bảy đồng) và số tiền còn nợ thẻ tín dụng số 341-P-1800749 kèm hợp đồng vay với số tiền gốc 93.573.060 đồng (chín mươi ba triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn không trăm sáu mươi đồng), lãi phải trả 81.745.069 đồng (tám mươi mốt triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn không trăm sáu mươi chín đồng), phạt chậm trả 2.601.489 đồng (hai triệu sáu trăm lẻ một nghìn bốn trăm tám mươi chín đồng) là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Đối với khoản tiền còn nợ gốc của thẻ Ngân hàng điện tử số LN2202175215868 ngày 18/02/2022. Xét, theo giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ của Ngân hàng điện tử được Ngân hàng TMCP V phát hành cho bà Huỳnh Thị Thanh T. Tuy nhiên, phương án sử dụng vốn kèm theo giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ của Ngân hàng điện tử bà T sử dụng vào "phục vụ nhu cầu đời sống" và khoản vay này tồn tại trong thời kỳ hôn nhân giữa bà T và ông H1. Việc bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ trong thời kỳ hôn nhân thì ông H1 cũng là người có nghĩa vụ. Do đó, Công ty cổ phần

M1 khởi kiện yêu cầu buộc ông Phạm Văn H1 bà Huỳnh Thị Thanh T cùng liên đới trả số tiền tạm tính đến ngày 06/9/2024, cụ thể tiền gốc là 178.617.701 đồng (một trăm bảy mươi tám triệu sáu trăm mười bảy nghìn bảy trăm lẻ một đồng), lãi 108.668.258 đồng (một trăm lẻ tám triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn hai trăm năm mươi tám đồng), phạt chậm trả là 1.442.360 đồng (một triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm sáu mươi đồng), theo giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ của Ngân hàng điện tử được Ngân hàng TMCP V phát hành ngày 08/02/2022 cho bà Huỳnh Thị Thanh T là có cơ sở chấp nhận.

[3] Đối với xử lý tài sản thế chấp: Theo nội dung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LN2112254971235 ngày 31/12/2021 tại Văn phòng C1 đối với quyền sử dụng đất có diện tích 617,2 m^2 thuộc thửa đất số 225, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD342422, số vào sổ cấp GCN số CS06664 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 05/8/2016, cũng như hợp đồng cho vay số LN2112254971235 ngày 31/12/2021 các bên có thỏa thuận về tài sản thế chấp nghĩa vụ của bên thế chấp. Hợp đồng thế chấp trên đã tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật trong quá trình ký kết, hợp đồng có hiệu lực pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 299 và Điều 303 Bộ luật Dân sự, Tòa án chấp nhận yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp trên của nguyên đơn.

Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần M1.

[5] Phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[7] Về chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 299 và Điều 303, Điều 463; Điều 465; Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng;

Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Một thành viên M1 (nay là Công ty cổ phần M1) đối với bị đơn ông Phạm Văn H1, bà Huỳnh Thị Thanh T về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng".

1.1 Về nghĩa vụ thanh toán:

Buộc ông Phạm Văn H1, bà Huỳnh Thị Thanh T có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty cổ phần M1 số nợ tính đến ngày 06/9/2024 với tổng số tiền là 5.907.680.854 đồng (Năm tỷ chín trăm lẻ bảy triệu sáu trăm tám mươi nghìn tám trăm năm mươi bốn đồng), trong đó: nợ gốc là 4.572.190.761 đồng (bốn tỷ năm trăm bảy mươi hai triệu một trăm chín mươi nghìn bảy trăm sáu mươi mốt đồng), nợ lãi là 1.320.947.517 đồng (một tỷ ba trăm hai mươi triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm mười bảy đồng); phạt chậm trả là 14.542.576 đồng (mười bốn triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm bảy mươi sáu đồng).

Cụ thể:

Nợ gốc là 4.300.000.000 đồng (bốn tỷ ba trăm triệu đồng), nợ lãi là 1.130.534.190 đồng (một tỷ một trăm ba mươi triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn một trăm chín mươi đồng), phạt chậm trả 10.498.727 đồng (mười triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn bảy trăm hai mươi bảy đồng) theo hợp đồng cho vay số LN2112254971235 ngày 31/12/2021 giữa Ngân hàng TMCP V với ông Phạm Văn H1 và bà Huỳnh Thị Thanh T và số tiền gốc 93.573.060 đồng (chín mươi ba triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn không trăm sáu mươi đồng), lãi phải trả 81.745.069 đồng (tám mươi mốt triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn không trăm sáu mươi chín đồng), phạt chậm trả 2.601.489 đồng (hai triệu sáu trăm lẻ một nghìn bốn trăm tám mươi chín đồng) theo thẻ tín dụng số 341-P-1800749 ngày 06/01/2022 kèm hợp đồng vay ngày 31/12/2021.

Và số tiền gốc 178.617.701 đồng (một trăm bảy mươi tám triệu sáu trăm mười bảy nghìn bảy trăm lẻ một đồng), lãi 108.668.258 đồng (một trăm lẻ tám triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn hai trăm năm mươi tám đồng), phạt chậm trả là 1.442.360 đồng (một triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm sáu mươi đồng), theo giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ của Ngân hàng điện tử được Ngân hàng TMCP V phát hành ngày 08/02/2022.

Buộc ông Phạm Văn H1 và bà Huỳnh Thị Thanh T phải tiếp tục thanh toán tiền lãi và các khoản phí phát sinh kể từ ngày 07/9/2024 trên số tiền dư nợ gốc theo hợp đồng cho vay số LN2112254971235 ngày 31/12/2021 và thẻ tín dụng số 341-P-1800749 ngày 06/01/2022 kèm hợp đồng vay ngày 31/12/2021 và theo giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ của Ngân hàng điện tử ngày 08/02/2022 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP V bà Huỳnh Thị Thanh T và ông Phạm Văn H1.

2. Về phát mãi tài sản:

Trường hợp ông Phạm Văn H1 và bà Huỳnh Thị Thanh T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nợ trên thì Công ty cổ phần M1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LN2112254971235 ngày 31/12/2021 tại Văn phòng C1 đối với quyền sử dụng đất có diện tích 617,2m^2 thuộc thửa đất số 225, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD342422, số vào sổ cấp GCN số CS06664 do Sở tài nguyên và môi

trường tỉnh B cấp ngày 05/8/2016 cho ông Phạm Văn H1 và bà Huỳnh Thị Thanh T và được đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 31/12/2021 tại Chi Nhánh V2 đăng ký đất đai thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí:

3.1. Ông Phạm Văn H1, bà Huỳnh Thị Thanh T liên đới chịu số tiền 113.907.680 đồng (một trăm mười ba triệu chín trăm lẻ bảy nghìn sáu trăm tám mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Trả lại cho Công ty cổ phần M1 số tiền 56.722.729 đồng (năm mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm hai mươi chín đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004781 ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Phạm Văn H1, bà Huỳnh Thị Thanh T phải chịu 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) chi phí thẩm định tại chỗ để trả lại cho Công ty cổ phần M1.

5. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Thu Thảo